

BỘ THỦY SẢN
Số: 3/TS-TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 1987

THÔNG TƯ

CỦA BỘ THỦY SẢN SỐ 3/TS-TT NGÀY 19-3-1987

HƯỚNG DẪN SỬA ĐỔI BỔ SUNG THỰC HIỆN

ĐIỀU LỆ HỢP TÁC XÃ THỦY SẢN

Quán triệt Nghị Quyết 306 (dự thảo) của Bộ Chính trị; Quyết định số 76-HĐBT ngày 26-6-1986 của Hội đồng Bộ trưởng về bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở.

Căn cứ vào Quyết định số 31/HĐBT ngày 14- 2- 1987 của Hội đồng Bộ trưởng về sửa đổi điều 19 chương 4 của Điều lệ Hợp tác xã Thủy sản.

Bộ Thủy sản ra Thông tư hướng dẫn bổ sung về thực hiện Điều lệ Hợp tác xã Thủy sản như sau:

I. Tập thể hoá tư liệu sản xuất.

Điều 19 mới chương 4 của Điều lệ Hợp tác xã Thủy sản: "Mọi người khi vào hợp tác xã có tư liệu sản xuất cần thiết cho nghề cá đều được định giá thành tiền và được tập thể hoá.

Việc định giá tư liệu sản xuất phải căn cứ vào giá thoả thuận giữa tập thể hợp tác xã và người xin vào hợp tác xã dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương và trên cơ sở chất lượng, giá trị sử dụng còn lại của tư liệu sản xuất đó và được đại hội xã viên thông qua.

Tiền trị giá tư liệu sản xuất được dùng để đóng cổ phần tập thể hoá, thiếu phải đóng thêm, thừa được trả một lần hoặc trả dần theo thời gian khấu hao còn lại. Đối với tiền thừa cổ phần

chưa trả đủ, người có đủ tiền thừa được trả lãi hàng tháng, tỷ lệ lãi được căn cứ vào tỷ lệ lãi tiền gửi tiết kiệm dài hạn tại Ngân hàng và do đại hội xã viên thông qua".

Việc tập thể hoá tư liệu sản xuất trong Hợp tác xã thuỷ sản thực chất là hợp tác xã mua lại tư liệu sản xuất của người xin vào hợp tác xã để chuyển thành sở hữu tập thể, nó thuộc quyền tự chủ của tập thể hợp tác xã và quyền làm chủ của người có tư liệu sản xuất; do đó phải được giải quyết thoả đáng trên cơ sở tự nguyện, cùng có lợi giữa tập thể hợp tác xã và người có tư liệu sản xuất.

Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương, khi định giá phải thành lập ban định giá gồm có đại diện ban quản lý, ban kiểm soát hoặc ban vận động thành lập hợp tác xã, bộ phận kế toán đại diện đoàn thể và người có tư liệu sản xuất. Ban định giá có nhiệm vụ tham khảo giá bán chỉ đạo của Nhà nước và giá thị trường bình ổn của địa phương ở thời điểm thích hợp, xem xét khảo sát kỹ càng tình trạng tốt, xấu, cũ mới của tư liệu sản xuất, trên cơ sở đó tiến hành dân chủ bình nghị giá trị và thời gian sử dụng còn lại đối với từng tư liệu sản xuất của từng người cho sát đúng.

Để có sự đóng góp xây dựng hợp tác xã, giá thoả thuận cần thấp hơn giá thị trường tự do ở địa phương nhưng không nên thấp quá để người có tư liệu sản xuất chịu thiệt thòi, mức độ cụ thể do hai bên bàn bạc thoả thuận và được đại hội xã viên thông qua.

Đối với số tiền thừa cổ phần nếu Hợp tác xã có quỹ tích lũy hoặc huy động được vốn cổ phần trong xã viên... thì có thể trả hết một lần cho người có tư liệu sản xuất và như vậy không phải trả lãi. Nếu hợp tác xã trả dần số tiền thừa cổ phần thì cũng nên trả hết trước thời hạn khấu hao còn lại (ví dụ thời gian khấu hao còn lại là 5 năm thì nên trả trước 4 năm trở lại). Ngoài việc trả dần vốn, hợp tác xã phải đồng thời trả lãi cho họ.

Khi xác định tỷ lệ lãi, ban quản lý hợp tác xã (hoặc ban định giá) cùng với người có tư liệu sản xuất nghiên cứu tỷ lệ lãi tiền gửi tiết kiệm của Ngân hàng, cùng nhau bàn bạc một tỷ lệ lãi cụ thể cho từng thời gian hoàn vốn và đưa ra đại hội xã viên thông qua trên cơ sở đó tính toán kế hoạch trả lãi cho xã viên.

Ví dụ : Ông A có số tiền thừa cổ phần là 100.000 đồng được hợp tác xã trả dần vốn trong ba năm, cuối năm thứ nhất 40.000 đồng, cuối năm thứ hai 30.000 đồng, cuối năm thứ ba 30.000

đồng, tỷ lệ lãi do hai bên bàn bạc và đại hội xã viên thông qua là 4% tháng. Như vậy : Năm thứ nhất ông A được trả lãi hàng tháng :

$$100.000 \text{ đ} \times 4\% = 4000 \text{ đồng},$$

Năm thứ hai được trả lãi hàng tháng :

$$(100.000 - 40.000) \times 4\% = 2400 \text{ đồng}.$$

Năm thứ ba được trả lãi hàng tháng:

$$(60.000 - 30.000) \times 4\% = 1200 \text{ đồng}.$$

Đối với số tiền thừa cổ phần mà hợp tác xã còn nợ coi như còn nợ của người có tư liệu sản xuất đưa vào tập thể hoá thì phải thanh toán kịp thời, sòng phẳng. Nếu còn dư nợ thì số nợ đó được hưởng tỷ lệ lãi mới như đã nói ở trên.

Trường hợp do trước đây định giá theo giá chỉ đạo quá thấp hoặc do sự biến động phức tạp về giá cả, tiền tệ, nếu trả nguyên theo số nợ cũ thì người có cổ phần thừa quá thiệt thòi, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định điều chỉnh số nợ cũ của họ để trả cho thoả đáng, bằng cách:

Có thể quy đổi theo một tỷ lệ hợp lý giữa tiền cũ và tiền mới như 1 đồng tiền mới gần bằng hoặc hơn 1 đồng cũ, hoặc bằng 1 đồng tiền cũ (như Thuận Hải đã giải quyết số tiền nợ từ năm 1984). Hoặc có thể quy đổi số nợ của họ ra số lượng sản phẩm tương ứng trên cơ sở giá cả bình quân (hoặc giá một loại cá) của Nhà nước ở thời điểm nợ và thời điểm hiện tại để tính trả.

Ví dụ: Ông A vào hợp tác xã năm 1984 có số tiền thừa cổ phần là 80.000 đồng, giá cá bình quân của Nhà nước ở thời điểm đó là 4đ/kg thì số tiền thừa cổ phần tương ứng với

$$80.000$$

$$\text{-----} = 20.000 \text{ kg}$$

$$4$$

Năm 1987 giá cá bình quân của Nhà nước là 44đ/kg thì số tiền thừa cổ phần của ông A là:

$$20.000 \times 44 = 880.000 \text{ đồng}.$$

Các cuộc họp bàn bạc quyết định cụ thể về định giá tư liệu sản xuất, thời gian hoàn vốn và tỷ lệ lãi... đều phải làm biên bản gửi lên Ủy ban Nhân dân xã, phường xác nhận.

II. Cổ phần

1. Xác định mức cổ phần:

Việc định mức cổ phần tập thể hoá tư liệu sản xuất và cổ phần chi phí sản xuất trong hợp tác xã chủ yếu phải căn cứ vào yêu cầu sản xuất của từng loại nghề nghiệp, đồng thời có chiếu cố đến khả năng đóng góp của số đông xã viên và do đại hội xã viên quyết định.

a) Cách xác định mức cổ phần tập thể hoá tư liệu sản xuất.

- Cách thứ nhất là lấy tổng giá trị tài sản cố định đang dùng của nghề cá chia cho tổng số xã viên đánh cá, theo công thức sau:

Mức cổ phần tập Thể giá trị tài sản cố
thể hoá tư liệu định đang dùng nghề cá
sản xuất = -----

Tổng số xã viên đánh cá

Đây là cách tính đúng, tính đủ theo yêu cầu sản xuất để bảo đảm cho hợp tác xã có đủ vốn mua sắm trang bị tài sản cố định cần dùng cho sản xuất.

- Cách thức hai là lấy tổng giá trị tài sản cố định đang dùng của nghề cá trừ đi số tiền dư nợ dài hạn tại Ngân hàng, còn lại chia cho tổng số xã viên đánh cá, theo công thức sau:

Mức cổ phần Tổng giá trị tài sản cố
tập thể hoá định nghề cá - dư nợ
tư liệu sản dài hạn
xuất = -----

Tổng số xã viên đánh cá

Để chiếu cố đến khả năng đóng góp của số đông xã viên, mỗi hợp tác xã có thể lựa chọn cách xác định cổ phần cho thích hợp, nhưng ít nhất cũng phải bằng mức cổ phần theo cách tính thứ hai.

b) Cách xác định cổ phần chi phí sản xuất:

Lấy yêu cầu chi phí sản xuất của một vụ sản xuất trong năm cho tổng số xã viên đánh cá, lấy đó làm cơ sở để xác định mức cổ phần chi phí sản xuất.

2. Thanh toán cổ phần:

Để bảo đảm được giá trị của cổ phần không bị giảm sút theo sự biến động phức tạp của giá cả, tiền tệ đồng thời bảo đảm mối quan hệ công bằng, hợp lý, bình đẳng về kinh tế giữa các xã

viên; các hợp tác xã cũ cũng như hợp tác xã mới thành lập đều phải quy đổi mức cổ phần bằng tiền ra mức cổ phần bằng sản phẩm tương ứng bằng cách lấy cổ phần bằng tiền chia cho giá cá của Nhà nước (giá bình quân hoặc giá một loại cá) ở thời điểm xác định mức cổ phần để làm cơ sở cho việc thanh toán đóng mới cổ phần, thu cổ phần còn thiếu, trả cổ phần cho xã viên ra khỏi hợp tác xã.

(Chú ý: Mức cổ phần bằng tiền đối với hợp tác xã cũ là mức cổ phần bằng tiền đã xác định mức trước đây hoặc sau khi đã được điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu sản xuất).

a) Đóng góp cổ phần:

Những xã viên mới xin vào hợp tác xã thì căn cứ vào mức cổ phần đã quy đổi bằng sản phẩm và giá cá của Nhà nước ở thời điểm xã viên xin vào để tính toán cổ phần đóng mới bằng tiền.

Thí dụ: Mức cổ phần năm 1983 là 800 đồng, giá cá bình quân của Nhà nước năm đó là 4đ/kg thì cổ phần quy đổi ra sản phẩm là:

$$800$$

$$----- = 200 \text{ kg cá.}$$

$$4$$

Năm 1987 giá cá bình quân của Nhà nước là 44đ/kg thì xã viên mới xin vào hợp tác xã phải nộp số tiền cổ phần là:

$$100 \times 44 = 8.800 \text{ đồng.}$$

b) Xác định số tiền cổ phần còn thiếu của xã viên:

Quy đổi số tiền cổ phần còn thiếu của xã viên trước đây ra số sản phẩm tương ứng, rồi căn cứ vào giá cá của Nhà nước ở thời điểm hiện tại để tính ra số tiền thiếu cổ phần.

Thí dụ: Mức cổ phần năm 1983 là 800 đồng tương ứng với số sản phẩm quy đổi là 200 kg cá. Ông A mới nộp 400 đồng còn thiếu 400 đồng tương ứng với 100 kg. Năm 1987 giá cá bình quân của Nhà nước là 44đ/kg và ông A nộp tiếp thì phải nộp số tiền là:

$$200 \times 44 = 4.400 \text{ đồng.}$$

Đồng thời xã viên còn thiếu tiền cổ phần phải trả lãi cho hợp tác xã bằng tỷ lệ lãi mà hợp tác xã trả cho xã viên có số tiền thừa cổ phần. Mức độ cụ thể do đại hội xã viên quyết định.

c) Xã viên rút cổ phần xin ra hợp tác xã: